

ĐỖ DUY HÙNG*
TRẦN ANH CHÂU**

MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CARL JUNG VỀ TÔN GIÁO

Tóm tắt: *Carl Jung, người sáng lập trường phái Tâm lý học phân tích, là nhà khoa học có nhiều đóng góp cho ngành Tâm lý học. Ông đề xuất khái niệm vô thức tập thể như một sự bổ sung cho vô thức cá nhân của S. Freud, đưa ra các nguyên mẫu tâm lý và các loại hình tâm lý của con người. Trong lĩnh vực tôn giáo, ông đưa ra khái niệm khái quát về tôn giáo, phân tích các biểu tượng, niềm tin và kinh nghiệm tôn giáo, nghi lễ và thờ phụng. Quan điểm của C. Jung về tôn giáo đã được phân tích nhiều từ góc độ Tâm lý học.*

Từ khóa: *Carl Jung; Tâm lý học; tôn giáo.*

Dẫn nhập

Carl Gustav Jung (1875 - 1961) là một bác sĩ tâm thần, một nhà Tâm lý học Thụy Sĩ. Ông là người sáng lập trường phái Tâm lý học phân tích (analytical psychology), được xem là ngành Phân tâm học mới, nhằm phân biệt với trường phái Phân tâm học của Sigmund Freud. Nghiên cứu của ông có ảnh hưởng đến Tâm lý học, Tôn giáo học, văn học nghệ thuật và một số lĩnh vực liên quan.

Ở Việt Nam, hệ thống lý luận của C. Jung đã được giới thiệu theo nhiều khía cạnh khác nhau, nhưng chủ yếu là những luận điểm ủng hộ hay phát triển cách tiếp cận và phân tích tâm trí vô thức ở con người của S. Freud. Ba lý thuyết tiêu biểu của ông được giới thiệu nhiều ở Việt Nam là lý thuyết về bản chất và mục đích của dục năng (libido); bản chất của vô thức; và nguyên nhân của hành vi. Điều đáng chú ý

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

** Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 12/10/2021; Ngày biên tập: 12/11/2021; Duyệt đăng: 12/12/2021.

trong nhiều phát biểu lý thuyết, các mẫu hình phân tích của ông có nhiều quan điểm giá trị giúp làm giàu cách hiểu của chúng ta về tôn giáo mà chưa được chất lọc, chỉ rõ và khái quát.

Nhận thấy những quan điểm lý thuyết của C. Jung về tôn giáo hữu dụng cho nghiên cứu lý luận và thực tiễn về tôn giáo nói chung và tôn giáo ở Việt Nam nói riêng, chúng tôi khảo cứu một số công trình tiêu biểu của ông để chỉ ra và hệ thống hóa những nội dung thể hiện quan điểm của ông về tôn giáo.

1. Khái niệm và cách tiếp cận tôn giáo của Carl Jung

C. Jung trở nên nổi tiếng ở Mỹ sau khi cùng S. Freud đến Đại học Clark. Ông nhận được sự khuyến khích và hỗ trợ của bạn bè và những người ủng hộ ở Yale và Princeton. C. Jung muốn thảo luận về tôn giáo vượt ra ngoài quan điểm giản lược mà ông đã phê bình trong lý thuyết phân tâm của S. Freud. Theo C. Jung, tôn giáo là một hiện tượng phổ quát, nói lên một trải nghiệm phổ quát và do đó tâm lý học cần nghiên cứu kỹ lưỡng. Đây là trọng tâm trong bài giảng Terry của ông. Trong *Các bài giảng Terry* (Terry Lectures - những bài giảng ngắn về mối liên hệ giữa tâm lý và tôn giáo¹) năm 1937, ông đã nói: "... tôi cho rằng nhiệm vụ của tôi là chỉ ra tâm lý, đặc biệt là tâm lý y học mà tôi là một đại diện, có liên quan hoặc nói về tôn giáo.... Các nhà tâm lý học phải tính đến tôn giáo, vì nó đại diện cho một trong những biểu hiện cổ xưa nhất và phổ quát nhất của tâm trí con người, nhưng cách tiếp cận của tâm lý học phải là khoa học, thực nghiệm và hiện tượng học hơn là triết học hoặc siêu hình. Tôn giáo... là niềm tin vào một sức mạnh tác động từ bên ngoài điều khiển chủ thể con người, và con người thực hiện những hành động nghi lễ là để tạo ra hiệu lực của tác động này (cái gọi là *numinosum* - thần tính). Tôn giáo được coi là một thái độ của tâm trí hơn là bất kỳ tín điều nào, mặc dù tín điều là một hình thức được mã hóa trải nghiệm tôn giáo nguyên thủy"².

Đôi khi C. Jung được nhìn nhận như một nhà suy đoán triết học hơn là một nhà nghiên cứu tâm lý, là người đề cao kinh nghiệm và hiện tượng học. Vì vậy, trong nghiên cứu chủ đề tôn giáo, bằng một thái độ thận trọng, ông nói rằng cách tiếp cận của mình là theo quan điểm khoa học thực nghiệm. Ông đã nói về mình như sau: "Mặc dù tôi

thường được gọi là một triết gia, tôi là một người theo chủ nghĩa kinh nghiệm và tuân theo quan điểm hiện tượng học. Tôi tin rằng không có mâu thuẫn với các nguyên tắc của chủ nghĩa kinh nghiệm khoa học nếu thỉnh thoảng người ta đưa ra những phản ánh nhất định vượt ra ngoài sự tích lũy và phân loại của kinh nghiệm đơn thuần. Trên thực tế, tôi tin rằng kinh nghiệm thậm chí không thể có nếu không có sự phản ánh, bởi vì “kinh nghiệm” là một quá trình đồng hóa mà nếu không có nó thì không thể hiểu được. Do vậy, tôi tiếp cận các vấn đề tâm lý từ quan điểm khoa học chứ không phải từ quan điểm triết học. Vì tôn giáo có một khía cạnh tâm lý rất quan trọng, tôi tiếp cận nó theo quan điểm thực nghiệm thuần túy, tức là, tôi hạn chế bản thân trong việc quan sát các hiện tượng và tránh mọi suy xét siêu hình hoặc triết học. Tôi không phủ nhận tính hợp lệ của những tiếp cận khác, nhưng tôi không thể khẳng định mình có đủ năng lực để áp dụng chúng một cách chính xác”³.

C. Jung đã mượn khái niệm *numinosum* (thần tính) của Rudolf Otto để giải thích về cách hiểu tôn giáo của mình. Rudolf Otto trong tác phẩm kinh điển *Das Heilige* (Ý tưởng của Thánh) đã định nghĩa tôn giáo là bí ẩn vô cùng lớn và mê hoặc. Đến lượt mình, ông cho rằng: “Tôn giáo, như từ Latinh biểu thị, là sự quan sát cẩn thận và tỉ mỉ về những gì Rudolf Otto gọi là “*numinosum*”, nghĩa là tác động hoặc ảnh hưởng không phải do hành động tùy ý cá nhân tạo ra. Ngược lại, nó chiếm giữ và điều khiển chủ thể con người, con người luôn là nạn nhân của nó hơn là người tạo ra nó. *Thần tính* - bất kể nguyên nhân của nó là gì - là trải nghiệm của chủ thể độc lập với ý muốn của anh ta. Tại tất cả các sự kiện, sự lý giải tôn giáo cũng như nhóm đồng thuận luôn giải thích trải nghiệm này là do một nguyên nhân bên ngoài cá nhân. *Thần tính* là tính chất thuộc về một vật thể quan sát được hoặc ảnh hưởng của sự hiện diện vô hình gây ra sự thay đổi đặc biệt của ý thức. Đây là quy tắc chung”⁴.

Theo Peter B. Clarke và Peter Byrne (1993), C. Jung cho rằng có một thực thể mang tính tâm lý, đó là sức mạnh lớn nhất trong hệ thống tâm trí là thần, vì thần luôn là yếu tố mang tính áp đảo. Khi một vị thần không còn là một nhân tố áp đảo, vị thần đó sẽ trở thành một cái tên

đơn thuần. Bản chất của thần đã mất và sức mạnh của thần cũng biến mất. Tại sao các vị thần cổ xưa mất đi sự uy tín và ảnh hưởng đến linh hồn con người? Đó là bởi vì các vị thần (như các vị thần Olympic) đã phục vụ xong thời gian của họ và một bí ẩn mới bắt đầu: *Thiên Chúa trở thành con người*. Con người ở đây có nghĩa là Bản ngã, là một sự hoàn chỉnh và đầy đủ. Đây là một sáng tạo của C. Jung⁵. Ông quan niệm: “Đối với tôi, tôn giáo dường như là một thái độ đặc biệt của tinh thần, có thể được hình thành theo cách sử dụng ban đầu của từ tôn giáo, có nghĩa là xem xét và quan sát cẩn thận các yếu tố tác động nhất định, được coi là “quyền năng”: linh hồn, ma quỷ, thần thánh, luật pháp, ý tưởng, lý tưởng, hoặc bất cứ khái niệm nào mà con người đặt cho những nhân tố như vậy trong thế giới của mình mà họ nhận thấy có đủ mạnh mẽ, nguy hiểm hoặc hữu ích để được xem xét cẩn thận, hoặc đủ lớn, đẹp và có ý nghĩa để được tôn sùng và được yêu mến”⁶.

Điểm đáng lưu ý là trong cách nhìn của C. Jung, các tôn giáo không được đánh đồng với tín điều. Tôn giáo là những hình thức được mã hóa và giáo điều về kinh nghiệm tôn giáo nguyên thủy. Ông viết: “Tôi muốn nói rõ rằng theo tôi thuật ngữ “tôn giáo” không có nghĩa là tín điều. Tuy nhiên, đúng là mọi tín điều ban đầu dựa trên, một mặt là trải nghiệm của thần tính và mặt khác dựa trên niềm tin⁷; nghĩa là, sự tin tưởng hay lòng trung thành, niềm tin và sự tự tin đối với một trải nghiệm nào đó về thần tính và sự thay đổi ý thức diễn ra sau đó. ... Do đó, chúng ta có thể nói rằng thuật ngữ “tôn giáo” chỉ thái độ đặc biệt đối với một ý thức đã bị thay đổi bởi trải nghiệm của thần tính”⁸.

Tôn giáo cũng được hiểu theo khái niệm chức năng và điều này có thể được nhận thấy bằng cách chuyển từ câu hỏi tôn giáo là gì sang tính tôn giáo. Trạng thái sau đối với C. Jung là vấn đề có một loại khí chất nhất định cho phép người ta có ý thức về chính mình, khám phá ra những phức hợp bị kìm nén nằm ẩn trong tâm trí vô thức và xâm chiếm ý thức với *những niềm tin và xung động kỳ lạ*. Theo hướng này, tôn giáo không chỉ đơn giản là một phương tiện của những xung động bị kìm nén; nó đóng một vai trò nhận thức quan trọng và thực sự không thể thiếu bằng cách đưa ra một giải thích tròn vai hơn so với khoa học, được thể hiện trong các giáo điều, biểu tượng và nghi thức.

2. Carl Jung và biểu tượng tôn giáo

Biểu tượng, theo C. Jung, là những chủ đề phổ biến nhất định có thể được nhìn thấy trong giấc mơ của các bệnh nhân và trong một số tôn giáo và thần thoại thế giới. Đây là khám phá, ý tưởng mới của ông. Ông nhận ra rằng những chủ đề này cũng xuất hiện trong các tác phẩm nghệ thuật. C. Jung cho rằng những giấc mơ thường có những khoảnh khắc thiêng liêng, bí ẩn, một cảm giác thánh thiện. Chúng là con đường dẫn đến vô thức, và ông nghĩ rằng một số bệnh nhân của mình có những ý tưởng và giấc mơ không xuất phát từ trải nghiệm thông thường của họ. Phương pháp nghiên cứu giấc mơ của ông là từ các bệnh nhân và các ghi chép lịch sử, các nghiên cứu tôn giáo, thần thoại. Bất cứ ai đã có một giấc mơ như vậy, đã có sự quen thuộc với tôn giáo nguyên thủy, hoặc đã đến thăm một phòng trưng bày nghệ thuật sẽ xác nhận rằng những biểu tượng như thế này thực sự phổ biến và một số trong số chúng có sự lặp lại⁹. C. Jung là người có thiện cảm với tôn giáo, và cho rằng những trải nghiệm tôn giáo có thể được chấp nhận ở mức giá trị. Ông xem các trải nghiệm tôn giáo là biểu tượng cho nguyên mẫu của mình. Có thể đi qua một số biểu tượng và niềm tin tôn giáo theo C. Jung¹⁰:

Thánh nữ: C. Jung công nhận rằng đây là một biểu tượng có sức lan tỏa mạnh mẽ. Ông tìm hiểu mục đích của biểu tượng từ thời kỳ đầu của Shaman giáo, với những bí ẩn và sự hy sinh, bao gồm cả sự hy sinh của các vị thần để được tái sinh và giúp ích cho mùa màng.

Các tín điều: phát sinh từ trải nghiệm tôn giáo, và cùng với các nghi lễ giúp bảo vệ khỏi những trải nghiệm tôn giáo đáng lo ngại. C. Jung cho rằng, đạo Tin Lành từ bỏ các tín điều và nghi lễ Công giáo và kết quả là con người rơi vào trạng thái bồn chồn và sợ hãi kể từ đó.

Hành trình tinh thần, “cá nhân hóa”: theo C. Jung, sự hợp nhất của nhân cách là sự tự nhận thức, kết quả của sự toàn vẹn, bao gồm sự kết hợp của các mặt đối lập, của ý thức và vô thức, chấp nhận những gì đã bị kìm nén, tìm ra cái tôi. Đây là một nhiệm vụ đặc biệt cho nửa sau của cuộc đời, và cho liệu pháp tâm lý. Nó cũng là một nhiệm vụ tôn giáo, vì bản thân là một nguyên mẫu tôn giáo được đại diện bởi các biểu tượng tôn giáo. Sự thờ phượng Đức Chúa Trời đem lại sự giải

thoát khỏi sự thiếu hụt của con người. Có rất nhiều biểu tượng chỉ ra những nguyên mẫu này, chẳng hạn như chim (siêu việt), rắn (chữa bệnh), hiến tế động vật (trấn áp bản chất động vật của con người), hy sinh và tái sinh của con người, cũng như Mặt trời mọc (tăng trưởng bằng cách từ bỏ một phần của tự nhiên trước đó).

Thượng đế (God) là một nguyên mẫu, một phần không thể biết đến của vô thức tập thể, nhưng được trải nghiệm thông qua các biểu tượng. Thượng đế có nhiều hình thức khác nhau trong lịch sử tôn giáo, bao gồm Chúa Kitô, Đức Phật, các vị vua và nữ hoàng, rồng và các loài động vật khác...

Chúa Kitô: đối với C. Jung, nguyên mẫu này chính là Bản ngã (self), cũng tương ứng với Chúa. Chúa Kitô là một trong những biểu tượng chính cho Bản ngã/Cái tôi, mặc dù còn có những biểu tượng khác. Cái chết của Chúa Kitô tượng trưng cho sự hy sinh cần thiết của bản ngã để trở nên hoàn thiện hơn.

Giáo hội Kitô giáo cho rằng Đấng Christ đã chết để cứu chúng ta. Đối với C. Jung, đây là một sự hợp lý hóa cho hành động sai lầm. Đức Jehovah trong Cựu Ước giận dữ đầy tội lỗi và cần được chuộc tội. Chúa Jesus chết trên đồi Calvary để giải trừ tội lỗi của Đức Chúa Cha.

Tam vị nhất thể: C. Jung quan sát thấy rằng các nhóm ba vị thần cũng xuất hiện trong các tôn giáo khác, nhưng ông tin rằng một mô hình bốn mặt đối xứng, như biểu tượng Mandala, sẽ làm cho nó hoàn thiện hơn. Mặt thứ tư có thể là quỷ dữ, một cái bóng, hoặc nó có thể là nữ tính; và ông đã chấp thuận hình ảnh Đức Mẹ Maria của Giáo hội Công giáo.

C. Jung tin vào yếu tố thứ tư, thường là nguyên lý của cái ác. Nếu không có sự chống đối của quỷ dữ, Ba Ngôi sẽ vẫn là một thể thống nhất. Không có sự đối lập của cái bóng hoặc người thứ tư, sẽ không có sự phát triển tâm linh và không có sự hiện thực hóa bản thân. C. Jung tin rằng Đức Mẹ Maria là yếu tố nữ tính cần thiết, là sự đối lập của cái bóng.

C. Jung xác định ba giai đoạn tiến hóa tôn giáo. Giai đoạn đầu tiên là thời đại cổ xưa của các Pháp sư. Giai đoạn tiếp theo là nền văn minh cổ đại của các nhà tiên tri và thầy tu. Sau đó là Kitô giáo.

Ở mọi giai đoạn của lịch sử tôn giáo, tất cả con người đều có chung thần tính bên trong. Khi C. Jung nói về Chúa, ông nói về Chúa bên trong, cái tôi. C. Jung tin vào sự tồn tại của vô thức tập thể và các nguyên mẫu và ông giải thích Kitô giáo dưới ánh sáng niềm tin của mình. Đối với C. Jung, giáo lý về Chúa Ba Ngôi mang đầy ý nghĩa tâm lý. Chúa Cha tượng trưng cho tâm hồn trong tính toàn vẹn nguyên thủy không phân biệt. Chúa Con đại diện cho tâm hồn con người và Chúa Thánh Thần, trạng thái tự phê bình phục tùng một thực tại cao hơn. Để biểu tượng này trở nên xác thực hơn, nó phải được tìm thấy trong các nền văn hóa khác và C. Jung đã tìm thấy những ý tưởng về Ba ngôi tương tự trong các truyền thống thần bí của người Babylon, Ai Cập và Hy Lạp.

Như vậy, ý tưởng của C. Jung về sự trọn vẹn có nghĩa là Đức Chúa Trời chấp nhận điều ác. Ông cho rằng, từ trải nghiệm, Đức Chúa Trời không bị xúc phạm bởi sự báng bổ, mà ngược lại, Ngài có thể khuyến khích điều đó, bởi vì Ngài muốn gọi lên không chỉ mặt tươi sáng và tích cực của con người mà còn cả bóng tối. Đức Chúa Trời đã sắp xếp để Adam và Eve phạm tội. C. Jung đã đổ lỗi cho Chúa về sự sa ngã của Adam và Eve. Ngài khiến họ phạm tội vì chính Ngài vừa tốt vừa xấu.

Đối với C. Jung, Bản ngã như một hình ảnh Thiên Chúa nội tâm. Nội dung cụ thể của hình ảnh Thiên Chúa là những phóng chiếu được quyết định về mặt văn hóa và lịch sử. Thiên Chúa, thần Zeus, thần Yahweh, thần Odin, hoặc bất kỳ tên gọi nào khác đều là tên “địa phương” của bản ngã. C. Jung không nói rằng hình ảnh Thiên Chúa mà chúng ta trải nghiệm chỉ là tâm lý mà ông tin rằng câu hỏi về sự tồn tại của một Thiên Chúa siêu việt vượt ra ngoài tâm lý là một vấn đề đối với các nhà thần học chứ không phải các nhà tâm lý học¹¹. Cách tiếp cận của C. Jung giả định sự hiện diện của một hình ảnh Thượng đế tiên nghiệm trong tâm hồn, mà ông gọi là Bản ngã. Bản ngã là một nguyên tắc sắp xếp trong tâm hồn mô tả bằng hình ảnh nảy sinh từ vô thức. Bởi vì vô thức được coi là nguồn của trí tuệ và sự chữa lành, các nhà trị liệu theo trường phái C. Jung rất chú ý đến những giấc mơ và những biểu hiện khác của Bản ngã. Khi quá trình trị

liệu khám phá vô thức ngày càng nhiều hơn, hình ảnh Đức Chúa Trời thật của cá nhân - chứ không phải những gì đã được học - trở nên có ý thức và biến đổi.

C. Jung cho rằng hình ảnh Chúa thật của một người là bất cứ thứ gì có giá trị cao nhất hoặc quyền năng lớn nhất trong tâm hồn; đây có thể là tiền bạc, khoa học, quyền lực, tình dục, hoặc bất cứ nơi nào một người trở nên tuyệt đối. Hình ảnh Đức Chúa Trời thực tế của một người (chứ không phải những gì người khác nói) thường là vô thức, vì vậy hình ảnh Đức Chúa Trời mà mọi người tuyên xưng bề ngoài có thể không tương ứng với hình ảnh chủ quan của họ về Đức Chúa Trời. Một người Kitô giáo có thể tin vào các nhân vật thiêng mà không thực sự trải nghiệm như một kinh nghiệm cá nhân. Động cơ và hành vi của một người Kitô giáo như vậy, theo Jung, không xuất phát từ phạm vi của Kitô giáo mà là từ tâm thức vô thức... tâm hồn người ấy không hòa hợp với những niềm tin bên ngoài.

Vì hình ảnh Chúa tồn tại trong tâm hồn, C. Jung có thể nói về “tính tương đối của Chúa”. Đối với ông, Chúa không tuyệt đối, tồn tại bên ngoài cõi người, nhưng theo một cách nào đó phụ thuộc vào ý thức của con người, vì vậy có một mối quan hệ tương hỗ và thiết yếu giữa con người và Chúa Trời, theo đó con người có thể được hiểu như một chức năng của Chúa Trời và Chúa Trời là một chức năng của con người. C. Jung đã dẫn lời nhà thần bí thế kỷ XVII, Angelus Silesius, đã nói về Chúa, “Ngài không thể sống mà không có tôi, cũng như tôi không thể sống mà không có Ngài”. Hình tượng Chúa theo quan điểm của C. Jung vì thế chỉ mang tính tương đối hơn là siêu việt.

Lionel Corbett (2013) dẫn quan điểm của Griffin (1990)¹², cho rằng nên phân biệt quan niệm của C. Jung về tính tương đối của Chúa với quan niệm của L. Feuerbach, cho rằng các ý tưởng, cảm xúc và trí tưởng tượng của con người đã được biến đổi thành thần linh, vì vậy học thuyết tôn giáo là sự khách quan hóa một số khía cạnh của bản chất con người. Đối với C. Jung, Bản ngã và cấp độ nguyên mẫu của tâm lý là những thực tại khách quan, tự chủ, vượt lên trên cái tôi; chúng không phải là điều do chúng ta tạo ra, và chúng khác biệt với bản chất con người. Bởi vì C. Jung tin rằng cái tôi và Bản ngã ảnh

hưởng lẫn nhau. Một số nhà thần học tin rằng cách tiếp cận của C. Jung phù hợp với cách tiếp cận của họ.

3. Nghi lễ và thờ phụng

Mặc dù C. Jung đã nói về *numinosum* (thần tính) như những tác động, ảnh hưởng không phải do cá nhân tạo ra, con người là nạn nhân của nó hơn là người tạo ra nó, nhưng có một số ngoại lệ trong thực hành nghi lễ. Ông ghi chú rằng: “Tuy nhiên, có một số ngoại lệ nhất định khi nói đến vấn đề thực hành hoặc nghi lễ tôn giáo. Rất nhiều màn trình diễn mang tính nghi lễ được thực hiện với mục đích duy nhất là tạo ra tác dụng của *numinosum* theo ý muốn bằng các phương tiện nhất định có tính chất ma thuật, chẳng hạn như cầu khẩn, thần chú, hiến tế, thiền định và các thực hành yoga khác, các hình thức tự tra tấn, v.v...”¹³. Sở dĩ có những ngoại lệ này, vì theo C. Jung thì: “...niềm tin tôn giáo vào nguyên nhân thần thánh bên ngoài và khách quan luôn có trước bất kỳ hoạt động nào như vậy. Chẳng hạn, Giáo hội Công giáo quản lý các bí tích nhằm mục đích ban phước lành thiêng liêng cho tín đồ, nhưng vì hành động này có thể buộc phải thực thi sự hiện diện của ân sủng thiêng liêng bằng một thủ tục ma thuật không thể phủ nhận, nên người ta lập luận một cách hợp lý rằng không ai có thể bắt buộc ân sủng thiêng liêng phải hiện diện trong hành động bí tích, nhưng nó chắc chắn phải hiện diện vì bí tích là thần bí mà Đức Chúa Trời sẽ không tạo ra nếu Ngài không có ý định hỗ trợ”¹⁴.

C. Jung nhìn nhận, nội dung của trải nghiệm đã trở nên thần thánh hóa và thường được kết tụ trong một cấu trúc ý tưởng nghiêm ngặt. Việc thực hành và lặp lại kinh nghiệm ban đầu đã trở thành một nghi lễ và một thể chế không thể thay đổi. Điều này không nhất thiết có nghĩa là sự cứng nhắc. Ngược lại, nó có thể được chứng minh là một hình thức kinh nghiệm tôn giáo hợp lệ cho hàng triệu người trong hàng nghìn năm, mà không cần thiết phải thay đổi. Mặc dù Giáo hội Công giáo thường bị buộc tội là đặc biệt cứng nhắc, tuy nhiên, Giáo hội thừa nhận rằng giáo điều là một lễ sống và do đó việc bày tỏ, diễn giải nó có thể thay đổi và phát triển. Số lượng các tín điều là không bị giới hạn và có thể được tăng lên theo thời gian. Điều này cũng đúng với nghi lễ. Tuy nhiên, tất cả các thay đổi và phát triển được xác định

trong khuôn khổ của các sự kiện theo kinh nghiệm, và điều này thiết lập một loại giá trị cảm xúc và nội dung giáo điều. Mặc dù đạo Tin Lành đã giải phóng gần như không giới hạn khỏi truyền thống giáo điều và nghi lễ được hệ thống hóa và do đó chia thành hơn bốn trăm giáo phái nhưng ít nhất cũng bị ràng buộc là Cơ đốc nhân và thể hiện mình trong khuôn khổ niềm tin rằng Đức Chúa Trời là chính mình trong Đấng Christ, Đấng đã chịu đau khổ vì nhân loại. Đây là một khuôn khổ xác định với những nội dung nhất định mà không thể kết hợp hoặc bổ sung với những tư tưởng và cảm nhận của Phật giáo hoặc Islam giáo..., không chỉ Đức Phật và Mohammed, mà còn các vị Khổng Tử và Zarathustra, đại diện cho các hiện tượng tôn giáo, mà còn cả Mithras, Attis, Cybele, Mani, Hermes và các vị thần của nhiều tôn giáo khác. Nhà tâm lý học, nếu có một thái độ khoa học, sẽ không chú ý đến lời khẳng định mọi tín điều là chân lý duy nhất và vĩnh cửu. Nhưng nhà tâm lý học phải chú ý đến khía cạnh con người của vấn đề tôn giáo, vì quan tâm đến trải nghiệm tôn giáo ban đầu hoàn toàn khác với những gì các tín điều đã tạo ra nó¹⁵.

Cách giải thích của C. Jung về nghi lễ là về các hành vi và đồ vật mang tính biểu tượng mà ông coi là có liên quan đến các nguyên mẫu. Vì vậy lễ thánh thể của Kitô giáo chủ yếu là lễ tượng trưng, bao gồm hy sinh bản ngã, bánh và rượu có những ý nghĩa tượng trưng khác. C. Jung mô tả rằng ông đã thất vọng ở tuổi 14 khi được rước lễ lần đầu tiên, với đầy mong đợi về những điều bí ẩn sẽ được nhìn thấy nhưng không có gì xảy ra cả. M. Argyle (2000) viện dẫn Pratt (1950) để giải thích điều này: để kích hoạt tôn giáo, suốt thời thơ ấu cần phải đắm mình trong sự thờ phụng của nhà thờ để các biểu tượng có thể thu được cảm xúc. Điều này dường như không xảy ra với C. Jung, mặc dù ông đã được nuôi dưỡng trong môi trường đó.

C. Jung thừa nhận rằng sự hy sinh và thánh thể là quan trọng trong tôn giáo. Ông liên hệ thánh thể với Shaman giáo (shamanism) và cái chết của các vị thần để được tái sinh (xem thêm biểu tượng Thánh nữ). Đức Chúa Trời đã gửi con trai của mình, là một phần của chính mình, để hy sinh và tái sinh. Những người tham gia nghi lễ thánh thể hoặc các lễ tế khác dâng tặng những món quà có giá trị, là một phần của

bản thân; hy sinh cái tôi ích kỷ cho một mục đích cao hơn, để được tái sinh. Sự tồn tại lâu dài của những nghi thức này cho thấy rằng chúng dựa vào những điều kiện tâm linh đã ăn sâu vào tâm hồn con người.

Nhìn chung, quan điểm của C. Jung về tôn giáo có sáu luận điểm chính như sau:

1. Có một bản năng tôn giáo ở tất cả mọi người - một sự phấn đấu hướng tới mối quan hệ với ai đó hoặc thứ gì đó vượt qua sức mạnh của con người.

2. Niềm tin của C. Jung về tính phổ quát của tôn giáo đã khiến ông xem tôn giáo như một biểu hiện của vô thức tập thể. Cả thực hành tôn giáo và kinh nghiệm tôn giáo đều tìm thấy cội nguồn của chúng trong vô thức tập thể. Kinh nghiệm tôn giáo là *numinous*, sự tiếp xúc với thánh thần), bộc lộ qua những giấc mơ và tầm nhìn. Thực hành tôn giáo (nghi lễ và giáo điều) là cần thiết để bảo vệ con người khỏi sức mạnh khủng khiếp của trải nghiệm trực tiếp như vậy (sự tê liệt).

3. C. Jung nhận ra rằng quá trình cá nhân hóa theo một quan niệm tôn giáo cơ bản. Trong quá trình cá nhân hóa, lớp mặt nạ của cái tôi được lột bỏ để khám phá ra con người thật.

4. Biểu tượng và nguyên mẫu tâm lý là những khái niệm công cụ để tìm hiểu tôn giáo.

5. Nói một cách tổng quát hơn, tôn giáo không bao giờ có thể thay thế được khoa học vì nó cung cấp ngôn ngữ của các nguyên mẫu. Hình thái sâu sắc trong ý thức, các nguyên mẫu (dạng đầu tiên) chỉ có thể được đặt tên bằng ngôn ngữ thần thoại và biểu tượng tôn giáo.

6. Hình tượng Chúa là biểu tượng của Bản ngã. Theo C. Jung, một Đức Chúa hoàn hảo là vô nghĩa.

Eugene E. Dawson (1949)¹⁶ đánh giá các khái niệm tâm linh là thành phần không thể thiếu của đời sống tâm linh, theo quan điểm của C. Jung... C. Jung nói rằng những gì có ý nghĩa trong đời sống tâm linh luôn ở phía dưới ý thức và khi chúng ta nói về các khía cạnh tinh thần của tâm lý, chúng ta đang đối phó với những thứ hầu như không nhìn thấy được. C. Jung nhấn mạnh rằng con người có những khuynh hướng tâm linh khắc sâu trong cấu trúc tinh thần bởi vì con người thừa

hưởng những khuynh hướng đó từ vô thức tập thể. Con người là người thừa kế của mọi thời đại nhờ vô thức tập thể. Đây cũng là cách để C. Jung “nhìn thấy” những yếu tố “không nhìn thấy được”.

4. Quan điểm của C. Jung về tôn giáo qua các nhận xét - thay lời kết

Nhiều nhà khoa học đã nêu những nhận xét tinh tế về quan điểm của C. Jung về tôn giáo. Eugene E. Dawson từ năm 1949 đã nhận xét rằng, tôn giáo, theo C. Jung, là thuật ngữ chỉ thái độ đặc biệt đối với một ý thức đã bị thay đổi bởi trải nghiệm về *numinosum*¹⁷. Harold Coward trong bài viết “Jung’s conception of the role of religion in psychological transformation” (Quan niệm của Jung về vai trò của tôn giáo trong sự biến đổi tâm lý) đăng trên tạp chí *Tâm lý học nhân văn* (1989)¹⁸ nhận định C. Jung cảm thấy trải nghiệm tôn giáo có thể có tác động mạnh mẽ lên con người. Các lực liên quan phát sinh từ vô thức và vượt qua bản ngã hữu hạn; con người không thể nắm bắt, thấu hiểu, thống trị các trải nghiệm tôn giáo; con người cũng không thể tự giải thoát hoặc trốn thoát khỏi các trải nghiệm tôn giáo, và do đó cảm thấy các trải nghiệm tôn giáo là vượt quá sức mình. Nhận ra rằng trải nghiệm tôn giáo không xuất phát từ tính vô thức của mình, con người gọi họ là thần, thánh hoặc Chúa.

Peter B. Clarke và Peter Byrne trong *Religion - Defined and Explained* (1993) cho rằng tôn giáo theo C. Jung là một thái độ đặc biệt của tâm trí con người có thể được hình thành theo cách sử dụng nguyên gốc thuật ngữ “tôn giáo”, như vậy, C. Jung xem tôn giáo là trung gian giữa các lĩnh vực có ý thức và vô thức, và đây là một định nghĩa tôn giáo rất rộng, chưa rõ nét¹⁹.

Ở một góc độ khác, liên quan đến Kitô giáo, theo William K. Kay (1997)²⁰ cách tiếp cận C. Jung không phải là chính thống. Chúa Kitô được coi là một trong nhiều biểu tượng của Bản ngã. Trong giai đoạn nghiên cứu về giả kim thuật thời Trung cổ và thuyết ngộ đạo (gnosticism) thời kỳ đầu, C. Jung đã nói rất nhiều thông qua một loạt các biểu tượng, bao gồm cả những biểu tượng liên quan đến số học và chiêm tinh học, cho phép bản thân diễn giải niềm tin và thực hành tôn giáo theo sơ đồ ưa thích của mình. Đối với Phật giáo truyền thống, C.

Jung tích cực hơn, mặc dù có những chỉ trích trực tiếp về tôn giáo Ấn Độ. C. Jung nói với những người Bà la môn giáo (Brahmans) tại Đại học Calcutta (nơi ông nhận được bằng tiến sĩ danh dự) rằng không thể có ý thức khi không có ai để nói rằng tôi đang có ý thức. Việc theo đuổi giải thoát bằng một nỗ lực thiền “tự làm trống” (self-emptying) là một sai lầm vì giải thoát thực sự chỉ có thể thông qua sự tham gia, hòa mình vào thế giới và sự hợp nhất của các mặt đối lập.

Còn sau này, M. Argyle vào năm 2000 đã nêu 4 nhận xét về quan điểm của C. Jung về tôn giáo như sau²¹:

1. Tuyên bố trung tâm của tâm lý học C. Jung là các nguyên mẫu xảy ra phổ biến trong tất cả các nền văn hóa và thời kỳ lịch sử, những chủ đề tương tự có thể được tìm thấy trong thần thoại và tôn giáo của các nền văn hóa xa xôi, và trong giấc mơ của những bệnh nhân không thể biết về chúng. Cho đến nay chưa ai có thể nghĩ ra phương pháp nghiên cứu có thể kiểm tra các ý tưởng này của C. Jung.

2. Các nguyên mẫu của C. Jung cung cấp một cách giải thích những giấc mơ, nghệ thuật và thần thoại, cũng như các khái niệm thần học Kitô giáo, như: thánh thể, Chúa Ba Ngôi, và cuộc hành trình tâm linh.

3. Các loại tâm lý của C. Jung được sử dụng để hướng dẫn tâm linh và không có mối liên hệ nào với lý thuyết nguyên mẫu.

4. C. Jung đưa ra một cách nhìn độc đáo về tôn giáo, về những gì các cá nhân tìm thấy trong trải nghiệm của chính họ.

Theo G. Helal (tham khảo của David J. Leigh) khó khăn đầu tiên với những diễn giải tôn giáo của trường phái tâm lý học C. Jung là chúng tiến hành từ nhận thức luận I. Kant. C. Jung cũng như I. Kant coi tất cả trải nghiệm của con người chỉ là trải nghiệm về các hiện tượng, không phải là bản ngã hay thực tế khách quan. Nhiều nhà tư tưởng coi những phát biểu về tinh thần của C. Jung chỉ là tâm lý học, nghĩa là, có những đề cập không phải là hiện thực khách quan mà chỉ là những trải nghiệm phụ trong tâm lý con người²².

Liên quan đến sức khỏe tâm thần, một vấn đề của xã hội đương đại, Hill và Pargament dẫn theo Lionel Corbett cho rằng tâm lý học C. Jung luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của tâm linh và tôn giáo đối với

sức khỏe tâm thần - và thực sự, chúng không thể tách rời với sức khỏe tâm thần²³. Trên thực tế, sự nhấn mạnh này là một trong những lý do khiến trường phái C. Jung chưa được chú trọng trong cộng đồng tâm lý trị liệu. Tuy nhiên, ngày nay, rõ ràng rằng đời sống tinh thần mang lại lợi ích cho sức khỏe thể chất và tinh thần và rất quan trọng trong cuộc sống của nhiều người.

Đối với Lionel Corbett, cách tiếp cận của C. Jung là tâm lý học chuyên sâu, chú trọng rất lớn vào vô thức, đặc biệt là mức độ mở rộng ngoài phạm vi cá nhân hoặc các mức độ nguyên mẫu²⁴. Eugene E. Dawson cho rằng, tôn giáo chiếm một vị trí quan trọng trong nghiên cứu tâm lý học của C. Jung. Dawson trích dẫn James D. Page (Temple University) rằng tâm lý học phân tích của C. Jung là tổ hợp của quan sát thực nghiệm sắc sảo, thần bí và tôn giáo, và rút ra kết luận, bằng sự tóm lược ngắn gọn (của James D. Page), khái niệm tôn giáo của C. Jung là đáng quan tâm và có giá trị, tầm quan trọng của nó và của trường phái C. Jung liên quan đến những yếu tố như thần thoại, vô thức tập thể, khái niệm linh hồn và tâm lý trị liệu²⁵. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Xem trên: <https://www.amazon.com/Psychology-Religion-Terry-Lectures-Gustav/dp/B0088DZ7EU>
- 2 “Psychology and religion. 1. The autonomy of the unconscious”, In: Jung, C., *Collected Works of C. G. Jung*, Vol. 11. 2nd ed., Princeton University Press, 1969, pp. 3-33. (...Religion is seen as an attitude of mind rather than any creed, although the creed is a codified form of the original religious experience).
- 3 C. G. Jung (1969), Sđd, # 2, tr. 20.
- 4 C. G. Jung (1969), Sđd, # 6, tr. 22.
- 5 Peter B. Clarke and Peter Byrne (1993), *Religion - Defined and Explained*, St. Martin's Press, p. 193.
- 6 C. G. Jung (1969), Sđd, # 8, p. 22.
- 7 Nguyên văn từ Jung đã sử dụng: πίστις - từ Hy Lạp cổ.
- 8 C. G. Jung (1969), Sđd, # 9, p. 23.
- 9 M. Argyle (2000), *Psychology and Religion - An Introduction*, Routledge, p. 82.
- 10 M. Argyle (2000), Sđd, p. 84.

- 11 Lionel Corbett (2013), *Jung's approach to spirituality and religion*, APA Handbook of Psychology, Religion, and Spirituality: Vol. 2, DOI: 10.1037/14046-007, p. 148.
- 12 Lionel Corbett (2013), Sđd, tr. 152.
- 13 C. G. Jung (1969), Sđd, # 7, tr. 22.
- 14 C. G. Jung (1969), Sđd, # 7, tr. 22.
- 15 C. G. Jung (1969), Sđd, # 10, tr. 23.
- 16 Eugene E. Dawson (1993), "The Religious Implications of Jung's Psychology", Transactions of the Kansas Academy of Science, Vol. 52, No. 1 (Mar., 1949), p. 89.
- 17 Eugene E. Dawson (1949), Sđd, p. 89.
- 18 Harold Coward, "Jung's conception of the role of religion in psychological transformation", The Humanistic Psychologist, 17:3, 265-273, 1989. DOI: 10.1080/08873267.1989.9976858, p. 269.
- 19 Peter B. Clarke and Peter Byrne (1993), Sđd, p. 89.
- 20 William K. Kay (2000), "Jung and world religions", *Journal of Beliefs and Values*, 18 (1), pp. 109 - 112, 1997.
- 21 M. Argyle (2000), Sđd, tr. 85.
- 22 David J. Leigh. *Carl Jung's Archetypal Psychology, Literature, and Ultimate Meaning*, 2011. <https://doi.org/10.3138/uram.34.1-2.95>, tr 95.
- 23 Lionel Corbett (2013), Sđd, tr. 147.
- 24 Lionel Corbett (2013), Sđd, tr. 147.
- 25 Eugene E. Dawson, 1949, Sđd, tr. 89.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. M. Argyle (2000), *Psychology and religion - An Introduction*, Routledge.
2. Peter B. Clarke and Peter Byrne (1993), *Religion - Defined and explained*. St. Martin's Press.
3. Lionel Corbett, *Jung's approach to spirituality and religion*, APA Handbook of Psychology, Religion, and Spirituality: Vol. 2, 2013. DOI: 10.1037/14046-007.
4. Harold Coward, *Jung's conception of the role of religion in psychological transformation*. The Humanistic Psychologist, 17:3, 265-273, 1989. DOI: 10.1080/08873267.1989.9976858.
5. Eugene E. Dawson, *The Religious Implications of Jung's Psychology*. Transactions of the Kansas Academy of Science (1903-), Vol. 52, No. 1 (Mar., 1949), pp. 89 - 91.

6. David J. Leigh, *Carl Jung's Archetypal Psychology, Literature, and Ultimate Meaning*, 2011. <https://doi.org/10.3138/uram.34.1-2.95>.
7. C. G. Jung, *Psychology and Religion: West and East*. Volume 11. Princeton University Press, 1969.
8. William K. Kay (1997), "Jung and world religions", *Journal of Beliefs and Values*, 18 (1), 109 - 112.

Abstract

CARL JUNG' S SOME BASIC VIEWS ON RELIGION

Do Duy Hung

Institute for Religious Studies, VASS

Tran Anh Chau

Institute for Religious Studies, VASS

Carl Jung, the founder of Analytical Psychology, was a psychologist with many contributions to Psychology. He proposed the concept of the collective unconscious as a complement to the individual unconscious of S. Freud, who gave psychological archetypes and types of human psychology. In the field of religion, he gave a general concept of religion, analyzed religious symbols, faith and experiences, rituals, and worship. C. Jung's views on religion have been extensively analyzed from the perspective of Psychology.

Keywords: Carl Jung; Psychology; religion.